

Bản án số: 126/2018/DS-ST

Ngày: 12 – 4 – 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Ngọc Nga.

2. Ông Huỳnh Văn Bé.

-Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXX-DSST ngày 01/3/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 75/2018/QĐHPT-DSST ngày 22/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 135 đường THĐ, Phường 10, Quận 5, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Quang A, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 12/21 đường số 06, Phường BHH B, Quận BT, Thành phố H, là đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền công chứng số 17463 quyền số 11TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/11/2013 của Văn phòng Công chứng Quận 10, Thành phố H). (có mặt)

2. *Bị đơn:* Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ.

Trụ sở: Tổ 10 ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Phước V, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 10 ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H, là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 27/12/2013 của Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2013, các bản tự khai, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22/3/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm nhà ở, qua giới thiệu của người quen, ông Nguyễn Thanh T đã ký 02(hai) hợp đồng góp vốn với Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ(gọi tắt HTX HQ) về việc góp vốn vào dự án làng nghề hoa, cây kiểng, cá cảnh do Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ làm chủ đầu tư, cụ thể như sau:

-Hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007, nội dung ông T góp vốn là tiền Việt Nam đồng vào dự án làng nghề hoa, cây kiểng, cá cảnh do HTX HQ làm chủ đầu tư, ông T được HTX HQ chuyển giao đất vườn ao có cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh tại khu vực triển khai dự án thuộc xã T, huyện C, Thành phố H, giá trị góp vốn 01(một) nền đất diện tích $1.000m^2 \times 500.000đ/m^2 = 500.000.000đ$ (năm trăm triệu đồng). Sau khi ký hợp đồng ông T đã giao cho HTX HQ đợt 1 số tiền là 175.000.000đ(một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

-Hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007, nội dung ông T góp vốn là tiền Việt Nam đồng vào dự án làng nghề hoa, cây kiểng, cá cảnh do HTX HQ làm chủ đầu tư, ông T được HTX HQ chuyển giao đất vườn ao có cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh tại khu vực triển khai dự án thuộc xã T, huyện C, Thành phố H, giá trị góp vốn 01(một) nền đất diện tích $1.000m^2 \times 500.000đ/m^2 = 500.000.000đ$ (năm trăm triệu đồng). Sau khi ký hợp đồng ông T đã giao cho HTX HQ đợt 1 số tiền là 175.000.000đ(một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Sau khi ký 02(hai) hợp đồng và nhận tiền nêu trên, HTX HQ không thông báo cho ông T biết tiến độ thực hiện dự án và thời gian chuyển giao nền đất cho ông T mặc dù ông T đã nhiều lần liên hệ nhưng HTX HQ không thực hiện đúng 02(hai) hợp đồng nêu trên.

Do HTX HQ đã vi phạm 02(hai) hợp đồng nêu trên, ông T khởi kiện HTX HQ, yêu cầu:

-Hủy hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và hủy hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007 giữa ông Nguyễn Thanh T đối với HTX HQ.

-Buộc HTX HQ trả cho ông T số tiền đã nhận của 02(hai) hợp đồng là 350.000.000đ(ba trăm năm mươi triệu đồng) và bồi thường thiệt hại tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định 09%/năm đối với số tiền 350.000.000đ(ba trăm năm mươi triệu đồng), thời gian tính lãi từ ngày 15/11/2007 cho đến thời điểm ngày 15/3/2018, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đến ngày 22/3/2018, ông T có đơn thay đổi yêu cầu bồi thường thiệt hại, chỉ yêu cầu mức bồi thường thiệt hại 50% theo cách tính nêu trên.

+Đối với bị đơn HTX HQ có đại diện hợp pháp ông Trần Phước V trình bày:

Ông V thừa nhận HTX HQ và ông Nguyễn Thanh T có ký 02(hai) hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và thừa nhận HTX HQ đã nhận của ông T số tiền tổng cộng là 350.000.000đ(ba trăm năm mươi triệu đồng). HTX HQ chưa giao nền đất được cho

ông T vì phải chờ phê duyệt quy hoạch dự án của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quá trình thực hiện dự án thì Nhà nước có chủ trương thay đổi. Trong thời gian qua HTX HQ có làm việc với ông T về tiến độ thực hiện dự án, kế hoạch giao nền đất cho ông T, tuy nhiên ông T bận việc không đến nhận nền đất.

Do đó, ông T khởi kiện HTX HQ yêu cầu hủy 02(hai) hợp đồng nêu trên và HTX HQ trả lại tiền đã nhận góp vốn của ông T và bồi thường thiệt hại tính tiền lãi, HTX HQ không đồng ý, HTX HQ sẽ tiếp tục thực hiện 02(hai) hợp đồng nêu trên đối với ông T, sẽ giao 02 nền đất cho ông T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng 02 bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T có đại diện ủy quyền ông Trần Ngọc Quang A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên; bị đơn HTX HQ vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các lời khai, lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập, có cơ sở xác định 02(hai) hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007 giữa HTX HQ và ông Nguyễn Thanh T vô hiệu tại thời điểm 02 bên ký kết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố vô hiệu 02(hai) hợp đồng góp vốn này, buộc HTX HQ trả lại số tiền đã nhận của ông T và bồi thường thiệt hại cho ông T theo yêu cầu khởi kiện của ông T tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Thanh T khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007 đối với Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ (gọi tắt HTX HQ), tuy nhiên các đương sự thừa nhận nội dung của 02 hợp đồng thể hiện 02 bên thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như diện tích đất, vị trí đất, giá trị đất, thời gian giao nhận tiền, thời gian giao nhận đất. Như vậy, hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007 là giao dịch dân sự giả tạo nhằm che giấu giao dịch dân sự về chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là tranh chấp giao dịch dân sự về hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn HTX HQ có trụ sở tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do giao dịch dân sự được xác lập vào năm 2007 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật đất đai năm 2003 để giải quyết vụ án.

Xét sự vắng mặt tại phiên tòa của bị đơn HTX HQ:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ HTX HQ tham dự phiên tòa nhưng người đại diện hợp pháp của HTX HQ là ông Trần Phước V vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt HTX HQ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hai hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007 được ký kết giữa ông T và HTX HQ đã được 02 bên đương sự thừa nhận, như nhận định nêu trên đây là 02 giao dịch dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; HTX HQ cũng thừa nhận đã nhận của ông T tổng cộng số tiền của 02 hợp đồng là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), sự thừa nhận của các đương sự phù hợp các chứng cứ do các đương sự cung cấp; căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, có cơ sở xác định ông T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của HTX HQ và HTX HQ đã nhận của ông T tổng cộng số tiền của 02 hợp đồng là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) từ ngày 15/10/2007 nhưng đến nay HTX HQ chưa giao đất chuyển nhượng theo thỏa thuận cho ông T.

Xét việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và HTX HQ theo hai hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007, xét thấy:

Tại 02 hợp đồng thể hiện ông T giao cho HTX HQ số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), HTX HQ sẽ giao cho ông T 02 nền đất số C49 và E331, mỗi nền có diện tích 1.000m², tuy nhiên lời khai của người đại diện hợp pháp của HTX HQ đã thừa nhận và tại 02 hợp đồng cũng thể hiện dự án làng nghề hoa, cây kiểng, cá cảnh do HTX HQ làm chủ đầu tư chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; song song đó lời khai của người đại diện hợp pháp của HTX HQ đã thừa nhận diện tích đất giao cho ông T đã được HTX HQ bồi thường, nhận chuyển nhượng của người dân trong phạm vi dự án nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho HTX HQ. Như vậy, giao dịch dân sự về chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và HTX HQ đã vi phạm Điều 62, 106 Luật đất đai năm 2003 và Điều 691, 699 Bộ luật Dân sự năm 2005. Song song đó, như nhận định nêu trên, hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007 là giao dịch dân sự giả tạo nhằm che giấu giao dịch dân sự về chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, có cơ sở xác định giao dịch chuyển

nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và HTX HQ theo 02 hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007 đã bị vô hiệu tại thời điểm ký kết theo quy định tại Điều 122, 127, 129 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xét về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

Đối với số tiền 02 bên đương sự đã giao nhận:

Ông T chứng minh đã giao số tiền của 02 hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007 cho HTX HQ tổng cộng là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), HTX HQ đã thừa nhận đã nhận đủ tiền. Nay 02 hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007 đã bị vô hiệu nên buộc HTX HQ trả lại cho ông T số tiền đã nhận 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông T:

Về giao dịch dân sự góp vốn: Khi ông T và HTX HQ ký kết giao dịch dân sự về góp vốn theo 02 hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007, các bên đương sự đều biết bản chất của giao dịch này là giao dịch dân sự về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nay giao dịch dân sự này bị vô hiệu thì lỗi của các bên đương sự bằng nhau. Do đó, thiệt hại mỗi bên đương sự phải chịu là 50%.

Về thiệt hại: Căn cứ khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005, Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 15/11/2007 cho đến thời điểm ngày 15/3/2018 là 10 năm 04 tháng, cụ thể như sau:

$350.000.000đ \times 9\%/năm \times 10 \text{ năm } 04 \text{ tháng} = 325.500.000đ$ (ba trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Ông T yêu cầu HTX HQ bồi thường 50% thiệt hại bằng hình thức tính lãi theo mức lãi suất 09%/năm đối với số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), thời gian tính lãi từ ngày 15/11/2007 cho đến thời điểm ngày 15/3/2018 là 10 năm 04 tháng với số tiền 325.500.000đ (ba trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng) $\times 50\% = 162.750.000đ$ (một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), như nhận định nêu trên, giao dịch dân sự giữa ông T và HTX HQ ngày 15/10/2007 bị vô hiệu tại thời điểm ký kết, đã gây thiệt hại cho ông T, mức độ lỗi của các bên tham gia giao dịch, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông T đối với HTX HQ.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T đối với bị đơn HTX HQ là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T đối với bị đơn HTX HQ.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tại phiên tòa về quá trình thực hiện tố tụng của Tòa án, việc chấp hành pháp luật của các đương sự; về quan điểm giải quyết vụ án. Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 122, 127, 129, 137, khoản 2 Điều 305, Điều 691, 699 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 62, 106 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T đối với Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ.

Tuyên bố: Hợp đồng góp vốn số 535/HĐ-GV ngày 15/10/2007 và hợp đồng góp vốn số 574/HĐ-GV ngày 15/10/2007 giữa ông Nguyễn Thanh T đối với Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ vô hiệu.

-Buộc Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

-Buộc Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Thanh T tính từ ngày 15/11/2007 cho đến thời điểm ngày 15/3/2018 với số tiền là 162.750.000đ (một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ chưa thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền đã nêu trên thì hàng tháng Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ còn phải trả thêm cho ông Nguyễn Thanh T khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự tự nguyện thi hành án hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án.

2. Án phí DS-ST: 24.510.000đ(hai mươi bốn triệu năm trăm mười ngàn đồng)
Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ phải chịu.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 12.780.000đ(mười hai triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08558 ngày 17/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Ông Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản HQ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức